

**CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty điều hành trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Công Cương	Chủ tịch - Đại diện pháp luật
Ông Nguyễn Việt Thông	Thành viên
Ông Trần Trọng Tính	Thành viên
Ông Phạm Văn Chính	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Thông	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Công Cương

Chủ tịch HĐQT

Ngày 13 tháng 08 năm 2021

Số: 1508 /2021/BCSX-KTV/HN

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng quản trị  
Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13/08/2021, từ trang 04 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.6 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Tại ngày 30/06/2021 Công ty có khoản Đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà với số cổ phiếu sở hữu là 2.182.000 cổ phiếu tương ứng với giá gốc là 79.569.706.448 đồng. Theo Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021 của Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà thì hoạt động kinh doanh liên tiếp các kỳ và có những dấu hiệu ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục. Chúng tôi không có đủ bằng chứng chứng thích hợp để đánh giá được giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư trên. Theo đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn và các khoản mục khác có liên quan cho Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/06/2021 hay không.

### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2021

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn  
Đất Việt tại Hà Nội



**VŨ TRƯỜNG GIANG - Phó Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4145-2017-037-1

Handwritten signature in red ink on the right margin.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>283.045.939.624</b>	<b>243.131.661.033</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>8.659.080.042</b>	<b>994.826.515</b>
1. Tiền	111		8.659.080.042	994.826.515
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>274.309.465.251</b>	<b>242.071.991.869</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	25.575.879.498	42.215.418.697
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	-	6.409.678.925
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	186.000.000.000	126.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	62.733.585.753	67.446.894.247
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>77.394.331</b>	<b>64.842.649</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		77.394.331	64.842.649
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>79.569.706.448</b>	<b>79.569.706.448</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>79.569.706.448</b>	<b>79.569.706.448</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.6	79.569.706.448	79.569.706.448
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>362.615.646.072</b>	<b>322.701.367.481</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM**

A28, BT6, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cẩn,

P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày

30 tháng 06 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>40.282.471.948</b>	<b>4.231.700.974</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>40.282.471.948</b>	<b>4.231.700.974</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	37.786.596.652	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	1.881.134.958	884.899.380
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.9	59.090.909	100.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	139.374.380	2.830.526.545
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		416.275.049	416.275.049
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>322.333.174.124</b>	<b>318.469.666.507</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.11</b>	<b>322.333.174.124</b>	<b>318.469.666.507</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(148.500.000)	(148.500.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.248.825.147	1.248.825.147
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.232.848.977	17.369.341.360
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17.369.341.360	10.666.941.484
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.863.507.617	6.702.399.876
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>362.615.646.072</b>	<b>322.701.367.481</b>



Nguyễn Công Cương

Chủ tịch HĐQT

Ngày 13 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Cẩm Tiên

Kế toán trưởng

Nguyễn Cẩm Tiên

Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM**A28, BT6, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cảnh,  
P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày

30 tháng 06 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	34.791.328.000	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>34.791.328.000</b>	<b>-</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	34.351.451.501	-
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>439.876.499</b>	<b>-</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.487.199.657	2.068.915.442
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	-	390.406.834
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	777.147.604	232.254.367
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.149.928.552</b>	<b>1.446.254.241</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.722.753.061	30.837
12. Chi phí khác	32	VI.6	36.830.701	86.513.419
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>VI.6</b>	<b>2.685.922.360</b>	<b>(86.482.582)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.835.850.912</b>	<b>1.359.771.659</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	972.343.295	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>3.863.507.617</b>	<b>1.359.771.659</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.8</b>	<b>129</b>	<b>45</b>



Nguyễn Công Cương  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 13 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Cẩm Tiên  
Kế toán trưởng

Nguyễn Cẩm Tiên  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.835.850.912	1.359.771.659
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.487.199.657)	(2.068.915.442)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.348.651.255	(709.143.783)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.236.666.442	(259.489.788.801)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		35.078.427.679	(12.499.858)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	8.382.990
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		67.663.745.376	(260.203.049.452)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(60.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	228.160.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		508.151	656.955
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(59.999.491.849)	228.160.656.955
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	35.300.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(3.050.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	32.250.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		7.664.253.527	207.607.503
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		994.826.515	82.629.682
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	8.659.080.042	290.237.185



Nguyễn Công Cương

Chủ tịch HĐQT

Ngày 13 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Cẩm Tiên

Kế toán trưởng

Nguyễn Cẩm Tiên

Người lập biểu

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101971512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/01/2009, thay đổi lần thứ 07 ngày 09 tháng 11 năm 2018.

**Địa điểm**

Trụ sở chính A28, BT6, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cẩn, P. Mỹ Đình 2,  
Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Thương mại – Dịch vụ - Xây dựng

**3. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:**

Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng kinh doanh; Bán buôn nông sản, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Khai thác và thu gom than non; Sản xuất than cốc; Sản xuất than bán từ than non, than bùn; sản xuất nhiên liệu ô tô, xăng dầu, dầu lửa; dầu nhiên liệu nặng, nhẹ, trung bình, khí tinh chế như etan, propan; butan; Sản xuất dầu mỡ bôi trơn từ dầu, kể cả từ dầu thải; sản xuất các sản phẩm cho ngành hóa dầu và cho ngành sản xuất chất phủ đường; Sản xuất các sản phẩm khác; trộn nhiên liệu sinh học, sản xuất hóa chất cơ bản; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm Liên quan; Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; lắp đặt hệ thống điện; hệ thống xây dựng khác; hoàn thiện công trình xây dựng...

**4. Chu kỳ kinh doanh**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 đang bùng phát trên toàn thế giới nói chung cũng như tại Việt Nam đến thời điểm hiện tại là lần thứ 4. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty không có tác động trọng yếu đến báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021. Ban lãnh đạo Công ty vẫn đang theo dõi, đánh giá những ảnh hưởng tiềm tàng của dịch bệnh Covid-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới cũng như chủ động xây dựng các phương án, kế hoạch ứng phó cho phù hợp với tình hình dịch bệnh này.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN****1. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**2. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2. Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác***

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính***

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

**3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong đó:

***Nợ phải thu quá hạn thanh toán:*****Mức trích lập dự phòng**

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

***Nợ phải thu khác:***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****4. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**5. Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**6. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty.

**7. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**8. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**9. Doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

***Doanh thu từ tiền lãi***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**10. Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

*Thuế khác*

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
Tiền mặt	8.651.942.433	973.288.661
Tiền gửi ngân hàng	7.137.609	21.537.854
<b>Cộng</b>	<b><u>8.659.080.042</u></b>	<b><u>994.826.515</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Công ty TNHH SX Lắp ráp và Thương Mại Nam Đô	25.305.418.697	42.215.418.697
- Công CP Kinh doanh Bình An Đạt	270.460.801	-
<b>Cộng</b>	<b><u>25.575.879.498</u></b>	<b><u>42.215.418.697</u></b>

**3. Trả trước người bán ngắn hạn**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Công ty TNHH Tiến Đại Phát	-	6.354.678.925
- Các khoản phải trả người bán khác	-	55.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>6.409.678.925</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM**A28, BT6, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cân,  
P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày  
30 tháng 06 năm 2021**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<i>Cho các cá nhân vay</i>		
- Vũ Thị Thu Phương (*)	26.000.000.000	26.000.000.000
- Không Thị Lan (*)	50.000.000.000	50.000.000.000
- Hồ Ngọc Việt Cường (*)	50.000.000.000	50.000.000.000
- Nguyễn Khánh Linh (**)	12.000.000.000	-
- Phạm Văn Quỳnh (**)	10.000.000.000	-
- Nguyễn Lê Thục Quyên (**)	18.000.000.000	-
- Lê Thị Hằng (**)	20.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>186.000.000.000</b>	<b>126.000.000.000</b>

(\*) Cho các cá nhân vay theo các Hợp đồng vay vốn với thời hạn 4 tháng, lãi suất 3%/năm. Việc cho vay được thông qua theo Biên bản họp hội đồng quản trị số 2812/2020/NQ/HĐQT ngày 28/12/2020 và Nghị Quyết hội đồng quản trị số 3112/2020/QĐ-CT ngày 31/12/2020.

Các hợp đồng vay trên được gia hạn theo các phụ lục hợp đồng sửa đổi thời gian vay từ 4 tháng thành 9 tháng. Việc gia hạn cho các hợp đồng được thông qua Nghị quyết hội đồng quản trị số 3103/2021/NQ/HĐQT.

(\*\*) Cho các cá nhân vay theo các Hợp đồng vay vốn với thời hạn 6 tháng, lãi suất 3%/năm. Việc cho vay được thông qua theo Nghị quyết hội đồng quản trị số 3103/2021/NQ/HĐQT ngày 31/03/2021 và Nghị Quyết hội đồng quản trị số 3006/2021/QĐ-CT ngày 30/06/2021.

**5. Các khoản phải thu khác**

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>62.733.585.753</b>	-	<b>67.446.894.247</b>	-
- Phải thu về lãi cho vay	2.051.178.081	-	-	-
- Công ty VIETMINDO ENERGITAMA	20.000.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Tiến Đại Phát (*)				
+ Tiền đặt cọc mua hàng	38.260.000.000	-	65.460.000.000	-
+ Tiền lãi phải thu	2.422.407.672	-	1.986.894.247	-
<b>Cộng</b>	<b>62.733.585.753</b>	-	<b>67.446.894.247</b>	-

(\*) Đây là khoản tiền đặt cọc cho Công ty TNHH Tiến Đại Phát theo Hợp đồng mua bán quặng sắt số 2005/TDP-CNC ngày 20/05/2020 và các Phụ lục hợp đồng kèm theo. Công ty đã chuyển tiền đặt cọc cho Công ty Tiến Đại Phát với số tiền là 225.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 28/12/2020 Hai bên đã có Biên bản làm việc và đã thanh lý hợp đồng về việc thu hồi số tiền đặt cọc trên và xác định lãi chậm trả. Theo đó, Công ty TNHH Tiến Đại Phát trả lại tiền đặt cọc và phải thanh toán tiền lãi đặt cọc theo thỏa thuận. Đến ngày 30/06/2021 Công ty đã thu hồi được 186.740.000.000 đồng nợ gốc.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**6. Đầu tư vào đơn vị khác**

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>* Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
- Công ty CP BOT Cầu Thái Hà	79.569.706.448	114.548.454.000	79.569.706.448	114.832.114.000
	79.569.706.448	114.548.454.000	79.569.706.448	114.832.114.000
<b>Cộng</b>	<b>79.569.706.448</b>	<b>114.548.454.000</b>	<b>79.569.706.448</b>	<b>114.832.114.000</b>

- *Thuyết minh bổ sung về đầu tư góp vốn vào các đơn vị tại ngày 30/06/2021:*

	Mối quan hệ	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP BOT Cầu Thái Hà	Đầu tư khác	Thái Bình	3,68%	3,68%	Giao thông, thu phí cầu đường
• <i>Tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà 6 tháng đầu năm 2021</i>					

Theo Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được soát xét của Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà thì tại ngày 30/06/2021 vốn chủ sở hữu của Công ty là 592.468.000.000 đồng, lỗ lũy kế 244.109.262.074 đồng. Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 lỗ 50.958.491.189 đồng. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh âm là một trong những dấu hiệu nghi ngờ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động liên tục. Các khoản nợ tín dụng được thanh toán nhờ vào sự tài trợ của Cổ đông lớn là Công ty TNHH Tiến Đại Phát.

- *Giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2021*

Giá trị hợp lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ do Sở Giao dịch chứng khoán công bố, theo số liệu Công ty tính toán là: 52.497 đồng/cổ phần.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Ánh Dương	4.633.200.000	4.633.200.000	-	-
- Công ty TNHH Dermisa Việt Nam	3.285.999.615	3.285.999.615	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Thương Mại Hưng Thịnh	3.444.934.304	3.444.934.304	-	-
- Công ty TNHH Quý Nhật Hải	14.980.405.359	14.980.405.359	-	-
- Công ty TNHH Kinh doanh và vật liệu xây dựng Tiến Dũng	3.300.024.961	3.300.024.961	-	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Đầu Tư xây dựng Việt Phát tại Hải Dương	8.142.032.413	8.142.032.413	-	-
<b>Cộng</b>	<b>37.786.596.652</b>	<b>37.786.596.652</b>	-	-

**8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Phải nộp cuối năm
	Phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải nộp cuối năm	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	884.899.380	972.343.295	-	1.857.242.675	
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	23.892.283	-	23.892.283	
<b>Cộng</b>	<b>884.899.380</b>	<b>1.000.235.578</b>	<b>4.000.000</b>	<b>1.881.134.958</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM**A28, BT6, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cân,  
P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày  
30 tháng 06 năm 2021**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****9. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
Trích trước các khoản phí phải trả	59.090.909	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>59.090.909</b>	<b>100.000.000</b>

**10. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Bảo hiểm xã hội	109.729.857	84.547.893
- Bảo hiểm Y tế	20.545.931	16.102.055
- Bảo hiểm thất nghiệp	9.098.592	7.123.536
- Ông Lê Minh Công (*)	-	1.350.000.000
- Lãi quá hạn (*)	-	1.368.672.552
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	4.080.509
<b>Cộng</b>	<b>139.374.380</b>	<b>2.830.526.545</b>

(\*) Đây là các khoản phải trả Công ty xác định không còn nghĩa vụ trả theo đối chiếu xác nhận với các đối tượng nợ. Trong kỳ, Công ty đã tiến hành ghi nhận vào thu nhập khác tại thuyết minh VI.6.

**11. Vốn chủ sở hữu****11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>NĂM TRƯỚC</b>					
Số dư đầu năm	300.000.000.000	(148.500.000)	1.248.825.147	10.666.941.484	311.767.266.631
Lãi (lỗ) trong năm trước	-	-	-	6.702.399.876	6.702.399.876
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>(148.500.000)</b>	<b>1.248.825.147</b>	<b>17.369.341.360</b>	<b>318.469.666.507</b>
<b>KỲ NÀY</b>					
Số dư đầu kỳ	300.000.000.000	(148.500.000)	1.248.825.147	17.369.341.360	318.469.666.507
Lãi trong kỳ	-	-	-	3.863.507.617	3.863.507.617
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>(148.500.000)</b>	<b>1.248.825.147</b>	<b>21.232.848.977</b>	<b>322.333.174.124</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM**A28, BT6, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cẩn,  
P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày  
30 tháng 06 năm 2021**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**11.2. Cổ phiếu**

	<u>Cuối kỳ</u> <i>Cổ phiếu</i>	<u>Đầu kỳ</u> <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND</i>		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***(Đơn vị tính: VND)***1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2021</u> <u>đến 30/06/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020</u> <u>đến 30/06/2020</u>
Doanh thu bán hàng và dịch vụ đã cung cấp	34.791.328.000	-
<b>Cộng</b>	<b>34.791.328.000</b>	<b>-</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Từ 01/01/2021</u> <u>đến 30/06/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020</u> <u>đến 30/06/2020</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	34.351.451.501	-
<b>Cộng</b>	<b>34.351.451.501</b>	<b>-</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Từ 01/01/2021</u> <u>đến 30/06/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020</u> <u>đến 30/06/2020</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.487.199.657	656.955
Lãi chuyển nhượng cổ phần	-	2.068.258.487
<b>Cộng</b>	<b>2.487.199.657</b>	<b>2.068.915.442</b>

**4. Chi phí hoạt động tài chính**

	<u>Từ 01/01/2021</u> <u>đến 30/06/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020</u> <u>đến 30/06/2020</u>
Chi phí tài chính khác	-	390.406.834
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>390.406.834</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM**A28, BT6, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cẩn,  
P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày  
30 tháng 06 năm 2021**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	8.382.990
Chi phí nhân viên quản lý	229.682.390	119.760.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.049.520	85.622.650
Chi phí khác bằng tiền	422.415.694	18.488.022
<b>Cộng</b>	<b>777.147.604</b>	<b>232.254.367</b>

**6. Lợi nhuận khác**

	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.722.753.061</b>	<b>30.837</b>
Thu nhập từ các khoản nợ không phải trả (*)	2.718.672.552	-
Thu nhập khác	4.080.509	30.837
<b>Chi phí khác</b>	<b>36.830.701</b>	<b>86.513.419</b>
Tiền phạt, chậm nộp thuế	25.865.564	79.899.246
Chi phí khác	10.965.137	6.614.173
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>2.685.922.360</b>	<b>(86.482.582)</b>

(\*) Thu nhập từ khoản không phải trả tại thuyết minh V.10

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>4.835.850.912</b>	<b>1.359.771.659</b>
<b>Điều chỉnh tăng</b>	<b>25.865.564</b>	<b>86.513.419</b>
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	25.865.564	86.513.419
<b>Điều chỉnh giảm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước</b>	<b>4.861.716.476</b>	<b>1.446.285.078</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(1.446.285.078)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>4.861.716.476</b>	<b>-</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>972.343.295</b>	<b>-</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM**A28, BT6, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cẩn,  
P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày  
30 tháng 06 năm 2021**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.863.507.617	1.359.771.659
Các khoản điều chỉnh (*)	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.863.507.617	1.359.771.659
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành (cổ phiếu)	30.000.000	30.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>129</b>	<b>45</b>

(\*): Công ty chưa có kế hoạch trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế do đó không có số liệu trình bày.

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	8.382.990
Chi phí nhân công	229.682.390	119.760.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.049.520	85.622.650
Chi phí khác bằng tiền	422.415.694	18.488.022
<b>Cộng</b>	<b>777.147.604</b>	<b>232.254.367</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC***(Đơn vị tính: VND)***1. Nghiệp vụ với các bên liên quan****Thu nhập của Ban Giám đốc**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
- Ông Nguyễn Việt Thông - Tổng Giám đốc	81.111.538	72.003.463
<b>Cộng</b>	<b>81.111.538</b>	<b>72.003.463</b>

**2. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong năm Công ty chỉ kinh doanh máy móc tại Miền Bắc. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng báo cáo tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**3. Công cụ tài chính**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

**3.1. Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.659.080.042	994.826.515
Phải thu khách hàng và phải thu khác	88.309.465.251	109.662.312.944
Cho vay ngắn hạn	186.000.000.000	126.000.000.000
Đầu tư dài hạn	79.569.706.448	79.569.706.448
Tài sản tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>362.538.251.741</b>	<b>316.226.845.907</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	37.925.971.032	2.830.526.545
Chi phí phải trả	59.090.909	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>37.985.061.941</b>	<b>2.930.526.545</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**3.2. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**3.3. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

**3.3.1 Quản lý rủi ro tỷ giá**

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa VND và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**3.3.2 Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**3.3.3 Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**3.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	37.925.971.032	-	37.925.971.032
Chi phí phải trả	59.090.909	-	59.090.909
<b>Cộng</b>	<b>37.985.061.941</b>	<b>-</b>	<b>37.985.061.941</b>
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.830.526.545	-	2.830.526.545
Chi phí phải trả	100.000.000	-	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.930.526.545</b>	<b>-</b>	<b>2.930.526.545</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.659.080.042	-	8.659.080.042
Phải thu khách hàng và phải thu khác	88.309.465.251	-	88.309.465.251
Các khoản cho vay	186.000.000.000	-	186.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	79.569.706.448	79.569.706.448
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>282.968.545.293</b>	<b>79.569.706.448</b>	<b>362.538.251.741</b>
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	994.826.515	-	994.826.515
Phải thu khách hàng và phải thu khác	109.662.312.944	-	109.662.312.944
Các khoản cho vay	126.000.000.000	-	126.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	79.569.706.448	79.569.706.448
<b>Cộng</b>	<b>236.657.139.459</b>	<b>79.569.706.448</b>	<b>316.226.845.907</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM**

A28, BT6, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cân,  
P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày  
30 tháng 06 năm 2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**4. Các khoản công nợ tiềm tàng**

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 30/06/2021.

**5. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào cần trình bày sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

**6. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vaco.



**Nguyễn Công Cương**  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 13 tháng 08 năm 2021

**Nguyễn Cẩm Tiên**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Cẩm Tiên**  
Người lập biểu

